ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VIẾT XUÂN
Mã ĐVQHNS: 1007161

Mẫu số CO2-HD
(Ban hành kèm theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi bổ sung theoThông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG, CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG

THÁNG 01 - NĂM 2025

	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số Phụ cấp CV	PCTNVK		PCTNNG		PC ưu đãi theo nghề		Phụ cấp trách nhiệm	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ				Thuế thu nhập cá nhân	Giảm trừ gia cảnh	Số thực lĩnh	Ghi chú
					%	Hệ số	%	Hệ số	%	Hệ số				Trích vào CP (17,5%)	Trừ vào lương (8%)	Trích vào CP (3%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trích vào CP (1%)	Trừ vào lương (1%)	Trích vào CP (2%)	Trừ vào lương	Số phải nộp CĐ cấp trên	Số để lại chi đơn vị				
A	C	E	1	2	3		4		5		6	7	8	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	Đinh Việt Hà	V.07.03.28	4,68	0,5		0,0000	25%	1,295000	35%	1,81300		8,28800	19.393.920	2.651.513	1.212.120	454.545	227.273	151.515	151.515	303.030						17.803.013	
2	Nguyễn Thị Hồng Hoa	V.07.03.28	5,02	0,4		0,000	28%	1,517600	35%	1,89700		8,83460	20.672.964	2.840.947	1.298.719	487.020	243.510	162.340	162.340	324.680						18.968.396	
3	Trần Thị Thoa	V.07.03.28	4,34	0,4			17%	0,805800	35%	1,65900		7,20480	16.859.232	2.271.005	1.038.174	389.315	194.658	129.772	129.772	259.543						15.496.629	
4	Vũ Thị Mai Hoa	V07.03.08	4,89		9%	0,4401	34%	1,812234	35%	1,86554		9,00787	21.078.413	2.924.786	1.337.045	501.392	250.696	167.131	167.131	334.261						19.323.542	
5	Đỗ Thị Tâm	V07.03.08	4,89	0,15	10%	0,4890	34%	1,879860	35%	1,93515		9,34401	21.864.983	3.033.928	1.386.939	520.102	260.051	173.367	173.367	346.735						20.044.626	
6	Bùi Thị Biên	V07.03.08	4,89		7%	0,342	32%	1,674336	35%	1,83131		8,73794	20.446.782	2.828.267	1.292.922	484.846	242.423	161.615	161.615	323.231						18.749.821	
7	Ngô Thị Thu Thuỷ	V07.03.08	4,89	0,2	9%	0,4401	33%	1,824933	35%	1,93554		9,29057	21.739.929	3.011.886	1.376.862	516.323	258.162	172.108	172.108	344.216						19.932.798	
8	Trần Thị Đức Hạnh	V07.03.08	4,98	0,2			28%	1,450400	35%	1,81300		8,44340	19.757.556	2.715.149	1.241.211	465.454	232.727	155.151	155.151	310.303						18.128.467	
9	Trần Thị Hồng	V07.03.08	4,65				26%	1,209000	35%	1,62750		7,48650	17.518.410	2.399.261	1.096.805	411.302	205.651	137.101	137.101	274.201						16.078.854	
10	Vũ Thị Thu Huyền	V07.03.08	4,58				27%	1,236600	35%	1,60300		7,41960	17.361.864	2.381.898	1.088.868	408.325	204.163	136.108	136.108	272.217						15.932.725	
11	Đỗ Thị Hạnh	V07.03.29	4,65	0,20			24%	1,164000	35%	1,69750		7,71150	18.044.910	2.462.733	1.125.821	422.183	211.091	140.728	140.728	281.455						16.567.250	
12	Hoàng Thị Mai Hương	V07.03.07	4,68	0,15			22%	1,062600	35%	1,69050		7,58310	17.744.454	2.413.020	1.103.095	413.661	206.830	137.887	137.887	275.774						16.296.642	
13	Nguyễn Thị Thu Huyền	V07.03.28	4,68				26%	1,216800	35%	1,63800		7,53480	17.631.432	2.414.740	1.103.881	413.955	206.978	137.985	137.985	275.970						16.182.588	
14	Nguyễn Hữu Nam	V07.03.29	4,32	0,2			24%	1,084800	35%	1,58200		7,18680	16.817.112	2.295.166	1.049.219	393.457	196.728	131.152	131.152	262.305						15.440.013	
15	Lê Thị Phượng	V07.03.08	4,27				24%	1,024800	35%	1,49450		6,78930	15.886.962	2.168.221	991.187	371.695	185.847	123.898	123.898	247.797						14.586.030	
16	Lữ Thị Thanh Huyền	V.07.03.28	4,68				23%	1,076400	35%	1,63800		7,39440	17.302.896	2.357.246	1.077.598	404.099	202.050	134.700	134.700	269.400						15.888.549	
17	Lê Thị Thuý Hằng	V.07.03.28	4,68				23%	1,076400	35%	1,63800		7,39440	17.302.896	2.357.246	1.077.598	404.099	202.050	134.700	134.700	269.400						15.888.549	
18	Phùng Thị Thu Thảo	V07.03.28	4,34				20%	0,868000	35%	1,51900		6,72700	15.741.180	2.132.676	974.938	365.602	182.801	121.867	121.867	243.734						14.461.574	
19	Trần Thị Bích Lệ	V.08.05.13	3,46					0,000000	20%	0,69200		4,15200	9.715.680	1.416.870	647.712	242.892	121.446	80.964	80.964	161.928						8.865.558	
20	Hà Thị Quý Vinh	V.07.03.28	4,68	0,15			26%	1,255800	35%	1,69050		7,77630	18.196.542	2.492.135	1.139.262	427.223	213.612	142.408	142.408	284.815						16.701.261	
21	Vũ Thị Ngọc	V07.03.08	4,27				22%	0,939400	35%	1,49450	0,30	7,00390	16.389.126	2.133.249	975.200	365.700	182.850	121.900	121.900	243.800						15.109.176	
22	Bùi Thị Ngọc Linh	V07.03.29	3,99				15%	0,598500	35%	1,39650		5,98500	14.004.900	1.878.991	858.967	322.113	161.056	107.371	107.371	214.742						12.877.506	
23	Hoàng Thị Châu Linh	V.07.03.28	5,02				29%	1,455800	35%	1,75700		8,23280	19.264.752	2.651.840	1.212.270	454.601	227.301	151.534	151.534	303.067						17.673.648	
24	Nguyễn Thị Kim Huê	V07.03.29	4,98				30%	1,494000	35%	1,74300		8,21700	19.227.780	2.651.103	1.211.933	454.475	227.237	151.492	151.492	302.983						17.637.118	
25	Trịnh Thị Thúy	V.07.03.28	4,34				18%	0,781200	35%	1,51900		6,64020	15.538.068	2.097.131	958.689	359.508	179.754	119.836	119.836	239.672						14.279.789	
26	Vũ Thị Dung	V07.03.28	4,00				11%	0,440000	35%	1,40000		5,84000	13.665.600	1.818.180	831.168	311.688	155.844	103.896	103.896	207.792						12.574.692	
27	Nguyễn T Thanh Hương	V07.03.28	4,68				26%	1,216800	35%	1,63800		7,53480	17.631.432	2.414.740	1.103.881	413.955	206.978	137.985	137.985	275.970						16.182.588	
28	Nguyễn Thị Nhung	V07.03.07	3,33				9%	0,299700	35%	1,16550		4,79520	11.220.768	1.486.362	679.480	254.805	127.402	84.935	84.935	169.870						10.328.951	

	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số Phụ cấp CV	PCTNVK		PCTNNG		PC ưu đãi theo nghề		Phụ cấp trách nhiệm	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ				Thuế thu nhập cá nhân	Giảm trừ gia cảnh	Số thực lĩnh	Ghi chú
					%	Hệ số	%	Hệ số	%	Hệ số				Trích vào CP (17,5%)	Trừ vào lương (8%)	Trích vào CP (3%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trích vào CP (1%)	Trừ vào lương (1%)	Trích vào CP (2%)	Trừ vào lương	Số phải nộp CĐ cấp trên	Số để lại chi đơn vị				
A	C	E	1	2	3		4		5		6	7	8	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
29	Lã Thị Dự	V.07.03.28	4,34				22%	0,954800	35%	1,51900		6,81380	15.944.292	2.168.221	991.187	371.695	185.847	123.898	123.898	247.797						14.643.360	
30	Nguyễn Thanh Tùng	V07.03.07	3,00				8%	0,240000	35%	1,05000		4,29000	10.038.600	1.326.780	606.528	227.448	113.724	75.816	75.816	151.632						9.242.532	
31	Trần Thuý Nga	V07.03.29	3,33				11%	0,366300	35%	1,16550		4,86180	11.376.612	1.513.635	691.947	259.480	129.740	86.493	86.493	172.987						10.468.431	
32	Đinh Thu Trang	V07.03.29	2,67				7%	0,186900	35%	0,93450		3,79140	8.871.876	1.169.901	534.812	200.554	100.277	66.851	66.851	133.703						8.169.936	
33	Hoàng Thị Hậu	V07.03.29	2,67				7%	0,186900	35%	0,93450		3,79140	8.871.876	1.169.901	534.812	200.554	100.277	66.851	66.851	133.703						8.169.936	
34	Vũ Thị Định	V07.03.28	4,68				26%	1,216800	35%	1,63800		7,53480	17.631.432	2.414.740	1.103.881	413.955	206.978	137.985	137.985	275.970						16.182.588	
35	Phạm Thị Thu Huyền	V07.03.28	4,34				15%	0,651000	35%	1,51900		6,51000	15.233.400	2.043.815	934.315	350.368	175.184	116.789	116.789	233.579						14.007.111	
36	Đào Kiều Diễm	V07.03.29	2,67				6%	0,160200	35%	0,93450		3,76470	8.809.398	1.158.967	529.813	198.680	99.340	66.227	66.227	132.453						8.114.018	
37	Trần Thị Minh	V.07.03.28	4,34	0,15			12%	0,538800	35%	1,57150		6,60030	15.444.702	2.059.294	941.391	353.022	176.511	117.674	117.674	235.348						14.209.126	
38	Đinh Quang Hùng	V07.03.28	4,00				12%	0,480000	35%	1,40000		5,88000	13.759.200	1.834.560	838.656	314.496	157.248	104.832	104.832	209.664						12.658.464	
39	Lê Lan Anh	V.07.03.28	4,34				18%	0,781200	35%	1,51900		6,64020	15.538.068	2.097.131	958.689	359.508	179.754	119.836	119.836	239.672						14.279.789	
40	Phạm Thị Trang Nhung	V07.03.29	4,32				23%	0,993600	35%	1,51200		6,82560	15.971.904	2.175.919	994.706	373.015	186.507	124.338	124.338	248.676						14.666.352	
41	Mai Mạnh Hà	V.07.03.28	4,68				23%	1,076400	35%	1,63800		7,39440	17.302.896	2.357.246	1.077.598	404.099	202.050	134.700	134.700	269.400						15.888.549	
42	Nguyễn Thị Tuyết	V.07.03.28	4,34				13%	0,564200	35%	1,51900		6,42320	15.030.288	2.008.270	918.066	344.275	172.137	114.758	114.758	229.517						13.825.326	
43	Phạm Thị Thu Ninh	V07.03.29	3,99					0,000000	35%	1,39650		5,38650	12.604.410	1.633.905	746.928	280.098	140.049	93.366	93.366	186.732						11.624.067	
44	Mai Thị Hồng	V07.03.09	3,99					0,000000	35%	1,39650		5,38650	12.604.410	1.633.905	746.928	280.098	140.049	93.366	93.366	186.732						11.624.067	
45	Trần Thị Lan Anh	V07.03.09	3,99					0,000000	35%	1,39650		5,38650	12.604.410	1.633.905	746.928	280.098	140.049	93.366	93.366	186.732						11.624.067	
46	Đỗ Công Văn	V.07.03.28	4,00				11%	0,440000	35%	1,40000		5,84000	13.665.600	1.818.180	831.168	311.688	155.844	103.896	103.896	207.792						12.574.692	
47	Trần Thị Diệp	V07.03.09	2,67				6%	0,160200	35%	0,93450		3,76470	8.809.398	1.158.967	529.813	198.680	99.340	66.227	66.227	132.453						8.114.018	
48	Đỗ Thị Diên	06031	3,66	0,2				0,000000		0,00000	0,1	3,96000	9.266.400	1.580.670	722.592	270.972	135.486	90.324	90.324	180.648						8.317.998	
	Cộng		**202,880**	**2,900**		**1,7115**		**40,75806**		**70,752025**	**0,40**	**319,401588**	**747.399.716**	**101.658.196**	**46.472.318**	**17.427.119**	**8.713.560**	**5.809.040**	**5.809.040**	**11.618.080**						**686.404.798**	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Sáu trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm linh bốn nghìn bẩy trăm chín mươi tám đồng)

(Tính theo mức lương cơ sở 2.340.000,đ)

Nam Định, ngày 20 tháng 01 năm 2025

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Đỗ Thị Diên	*Đỗ Thị Diên*	*Đinh Việt Hà*